

Khái niệm và tiêu chí xác định doanh nghiệp xã hội: Nghiên cứu từ hệ thống pháp luật của một số nước và kinh nghiệm cho Việt Nam

Cao Thùy Dương^(*)

Tóm tắt: Doanh nghiệp xã hội là mô hình tổ chức nhằm giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường theo cách thức hoạt động kinh doanh, có ý nghĩa quan trọng trong phát triển xã hội. Ở nhiều quốc gia trên thế giới, doanh nghiệp xã hội góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển và cơ hội tiếp cận với phát triển của các nhóm xã hội. Ở Việt Nam, doanh nghiệp xã hội đang phát triển nhưng vẫn chưa được hỗ trợ một cách có hệ thống và toàn diện. Khái niệm và tiêu chí xác định doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam còn có nhiều cách hiểu khác nhau. Kinh nghiệm của một số nước ở châu Á có thể là gợi ý tham khảo hữu ích góp phần xây dựng, hoàn thiện các quy định pháp luật, chính sách phát triển doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam.

Từ khóa Doanh nghiệp xã hội, Khái niệm doanh nghiệp xã hội, Tiêu chí xác định doanh nghiệp xã hội, Châu Á, Việt Nam

Abstract: Social enterprise is an organizational model that aims to solve social and environmental problems in a business manner, which has important significance in social development. While social enterprises abroad has a significant contribution to promoting the development and access to development opportunities of social groups, in Vietnam, despite certain progress, they have yet been supported in a systematical and comprehensive manner. There have been several different interpretations of the concept and criteria for determining social enterprises in Vietnam. Experiences of some Asian countries could be a useful reference for building and perfecting legal regulations and policies for social enterprise development in Vietnam.

Keywords: Social Enterprise, Social Enterprise Concept, Criteria for Social Enterprise, Asia, Vietnam

Ngày nhận bài: 11/4/2024; Ngày duyệt đăng: 15/5/2024

1. Mở đầu

Doanh nghiệp hiện nay đang phát triển những hoạt động kinh doanh sáng tạo vì mục tiêu phát triển bền vững, nhằm giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường. Xu

hướng thay đổi này đã dẫn đến một nhóm doanh nghiệp mới gọi là doanh nghiệp xã hội (DNXH). DNXH là mô hình tổ chức nhằm giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường theo cách thức hoạt động kinh doanh. DNXH được thành lập với một sứ mệnh xã hội rõ ràng, đây chính là điểm phân

^(*) ThS., Viện Kinh tế và Quản lý, Đại học Bách khoa Hà Nội; Email: ct.duongbk@gmail.com

biệt với doanh nghiệp thương mại. Xuất phát từ sứ mệnh xã hội, DNXH cam kết và kiên định thực hiện các mục tiêu xã hội và môi trường như: xóa đói, giảm nghèo, thúc đẩy công bằng, bảo vệ môi trường,... từ đó góp phần tạo nên sự phát triển bền vững của quốc gia. DNXH đầu tiên xuất hiện ở nước Anh vào năm 1665 (British Council, CIEM, CSIP, 2012)¹. Hơn hai thập niên gần đây, DNXH đã phát triển mạnh mẽ trên thế giới và đã được pháp lý hóa tại các văn bản luật, nghị định ở một số quốc gia như: Mỹ, Canada, Ý, Singapore, Hàn Quốc, Malaysia, Thái Lan... Tuy nhiên, cho đến nay, vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm DNXH, cũng như chưa có một bộ tiêu chí thống nhất để xác định DNXH. Bài viết tìm hiểu về khái niệm và tiêu chí xác định DNXH ở một số nước châu Á như Hàn Quốc, Thái Lan, Singapore, đồng thời đối chiếu với các quy định về DNXH ở Việt Nam và đưa ra những gợi mở cho việc hoàn thiện quy định pháp luật, chính sách phát triển DNXH ở Việt Nam.

2. Quy định về khái niệm, tiêu chí xác định doanh nghiệp xã hội ở một số nước

2.1. Hàn Quốc

Từ sau năm 2007, khi Luật Phát triển DNXH Hàn Quốc (Social Enterprise Promotion Act - SEPA) được ban hành, các hoạt động DNXH của nước này được định hình rõ nét hơn và có những thay đổi tích cực. Luật quy định rõ: “*DNXH là doanh nghiệp được chứng nhận phù hợp với Điều 7 của Luật này nhằm theo đuổi mục tiêu*

xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân bằng việc cung cấp cho nhóm yếu thế những dịch vụ xã hội hoặc công việc trong khi tiến hành kinh doanh (sản xuất, mua, bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ)” (Xem: Social Enterprise Promotion Act, 2007). Theo đó, ở Hàn Quốc, DNXH phải đáp ứng ba tiêu chí:

(i) *Theo đuổi mục tiêu xã hội*. Đây là tiêu chí quan trọng nhất, phản ánh đặc trưng cơ bản của DNXH, tạo nên sự khác biệt với các loại hình tổ chức doanh nghiệp khác. Điều 8 Luật Phát triển DNXH đã xác định rõ mục đích chính của DNXH là để hiện thực hóa một mục tiêu xã hội, chẳng hạn như nâng cao chất lượng cuộc sống của cư dân địa phương bằng cách cung cấp cho các nhóm dễ bị tổn thương các dịch vụ xã hội hoặc công việc hoặc đóng góp cho cộng đồng địa phương. Theo đó, mục tiêu hoạt động vì xã hội của DNXH được xác định thành 04 loại chủ yếu: (1) Tạo việc làm cho nhóm yếu thế, (2) Cung cấp dịch vụ thiết yếu cho nhóm yếu thế, (3) Vừa tạo việc làm và cung cấp dịch vụ thiết yếu cho nhóm yếu thế, và (4) Đóng góp cho cộng đồng địa phương. Trong đó, *nhóm người yếu thế* (vulnerable groups) bao gồm (a) Người có thu nhập hằng tháng bằng 60% thu nhập bình quân đầu người của cả nước hoặc ít hơn, (b) Người cao tuổi - người từ 55 tuổi trở lên; người tàn tật, nạn nhân buôn bán tình dục, thanh thiếu niên, người được hưởng trợ cấp để tìm việc mới..., (c) Nạn nhân bạo lực gia đình, người neo đơn, người nhập cư kết hôn với người nước ngoài ở Hàn Quốc, và các đối tượng khác theo Luật Chính sách việc làm. *Dịch vụ xã hội* được xác định gồm: chăm sóc trẻ em; dịch vụ nghệ thuật, du lịch và thể thao; dịch vụ quản lý và bảo tồn rừng; các dịch vụ về điều dưỡng và làm việc tại nhà; dịch vụ liên quan đến bảo quản, sử dụng di sản văn

¹ Số liệu năm 2005 cho thấy nước Anh có tới 55.000 DNXH, với doanh thu 27 tỷ Bảng, sử dụng 475.000 lao động và đóng góp 8,4 tỷ Bảng/năm cho GDP. Trên phạm vi toàn cầu, nhiều quốc gia đã chính thức công nhận DNXH và tạo lập khung khổ pháp lý, ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển DNXH ở nước mình để khu vực này trợ giúp lại Nhà nước thực hiện có hiệu quả hơn các mục tiêu xã hội (tr. xi).

hóa; dịch vụ quản lý cơ sở kinh doanh, như dịch vụ vệ sinh; các dịch vụ khác do Bộ trưởng Bộ Lao động và Việc làm ban hành.

(ii) *Sử dụng hoạt động kinh doanh để theo đuổi mục tiêu xã hội*. DNXH là tổ chức được thành lập nhằm theo đuổi mục tiêu xã hội thông qua thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh. Điều đó có nghĩa rằng DNXH không tổ chức công việc kinh doanh độc lập với nhiệm vụ giải quyết các vấn đề xã hội, mà hai hoạt động này được tiến hành lồng ghép với nhau; thông qua đó, DNXH đạt được mục tiêu lợi nhuận của mình, đồng thời tạo thu nhập, sản phẩm cần thiết cho cộng đồng. Việc sử dụng bao nhiêu phần trăm lợi nhuận hằng năm để tái đầu tư thực hiện các mục tiêu xã hội là hệ quả từ mục tiêu vì xã hội của DNXH. Do đó, Hàn Quốc không coi tỷ lệ lợi nhuận tái đầu tư hằng năm tồn tại như một loại tiêu chí song song với các tiêu chí nằm trong nội hàm vì xã hội của DNXH.

(iii) *Được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật*. Hàn Quốc tiếp cận DNXH là một thuật ngữ pháp lý, một loại hình tổ chức có sứ mệnh sử dụng hoạt động kinh doanh để giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường. Cách tiếp cận này kéo theo nhiều vấn đề pháp lý khác như: thủ tục đăng ký thành lập DNXH, cơ chế kiểm tra giám sát DNXH, các chính sách ưu đãi hỗ trợ cho DNXH... Vậy nên, DNXH tại Hàn Quốc là tổ chức được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật, đồng thời tổ chức, cá nhân không được phép “tự phong” mình là DNXH, vi phạm điều này có thể bị xử phạt hành chính.

Hàn Quốc không có loại hình doanh nghiệp riêng dành cho DNXH. Vì vậy, các nhà đầu tư sẽ dựa vào các hình thức pháp lý được Luật Phát triển DNXH thừa nhận để đăng ký DNXH với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Pháp luật Hàn Quốc quy

định rất chi tiết các tiêu chí xác định phạm trù “mục tiêu xã hội” của Hàn Quốc. Hàn Quốc mong muốn có những ưu đãi và hỗ trợ trực tiếp cho DNXH, nên việc xác định DNXH được pháp luật quy định khá chặt chẽ nhằm đảm bảo các chính sách ưu đãi của Nhà nước đến đúng đối tượng. Các loại hình DNXH chủ yếu ở Hàn Quốc gồm (Bidet và cộng sự, 2011):

(i) Các DNXH hoạt động theo Luật Phát triển DNXH: là hình thức rõ ràng nhất được Luật Phát triển DNXH công nhận. Cơ quan thẩm định và ra quyết định là Ủy ban Hỗ trợ DNXH thuộc Bộ Lao động và Việc làm. Điều kiện để được công nhận gồm:

- Các tổ chức có hoạt động kinh doanh sản phẩm dịch vụ vì mục tiêu xã hội, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân thuộc nhóm yếu thế thông qua tạo việc làm hoặc cung cấp dịch vụ xã hội, với ít nhất 50% người hưởng dịch vụ hoặc lao động trong tổ chức là người thuộc nhóm yếu thế (Điều 2).

- Đã có tư cách pháp nhân phù hợp: ví dụ Doanh nghiệp hợp tác (Associative Corporation) theo Luật Dân sự, công ty theo Luật Thương mại, tổ chức tư nhân phi lợi nhuận, hợp tác xã tiêu dùng, đơn vị phúc lợi xã hội đăng ký dưới các luật liên quan (Điều 8).

(ii) Các DNXH hoạt động trong khuôn khổ Luật về Hệ thống Sinh kế cơ bản Quốc gia (National Basic Livelihood System - NBLs) nhằm cung cấp 07 gói hỗ trợ tài chính hoặc phi tài chính (cho các lĩnh vực y tế, giáo dục, nhà ở, việc làm...) cho các hộ gia đình nghèo nằm dưới chuẩn nghèo tuyệt đối (thu nhập dưới 1.200 USD/gia đình 4 người).

(iii) Các loại hình DNXH khác: là các tổ chức mặc dù chưa được công nhận nhưng theo định nghĩa chung về DNXH họ vẫn có hoạt động theo cách tiếp cận DNXH

nói chung. Những đơn vị đó có thể gồm: Doanh nghiệp của câu lạc bộ người cao tuổi; Các xưởng sản xuất của người khuyết tật; Các nhóm chương trình dự án chuẩn bị hình thành tổ chức kinh doanh bền vững (nhóm tiền DNXH).

Qua các quy định trên, có thể thấy, định nghĩa về DNXH và các tiêu chí xác định DNXH của Hàn Quốc khá đầy đủ, hoàn chỉnh, thể hiện ở cả 3 nhóm tiêu chí: (i) về khía cạnh kinh tế (có hoạt động sản xuất hàng hóa, có mức độ rủi ro, có lượng tối thiểu công việc được trả công), (ii) về khía cạnh xã hội (có mục đích nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng, phân phối lợi nhuận hạn chế, là sáng kiến của nhóm cá nhân, tổ chức dân sự); (iii) về khía cạnh quản trị (có mức độ tự chủ cao, có quyền quyết định không dựa trên sở hữu vốn, có sự tham gia của nhiều bên). Điều này đã tạo nên “một hệ sinh thái” cho DNXH phát triển khá toàn diện ở Hàn Quốc.

2.2. Singapore

Năm 2006, Phòng DNXH được Bộ Phát triển Cộng đồng, Thanh niên và Thể thao của Singapore thành lập. Phòng DNXH nhận được sự hỗ trợ từ Chính phủ và khu vực tư nhân, giới trí thức và các tổ chức xã hội dân sự để tìm hướng giúp phát triển xã hội tại Singapore. Kết quả của sự hợp lực này là việc ban hành Chiến lược phát triển kinh doanh về DNXH, theo đó, tập trung vào 3 vấn đề sau: thứ nhất, thúc đẩy doanh nghiệp có trách nhiệm xã hội (CSR); thứ hai, phát triển các công cụ hỗ trợ cho DNXH; thứ ba, lan tỏa mô hình và nhận thức về DNXH.

Hiện nay, tại Singapore, các DNXH hoạt động theo 4 mô hình cơ bản (Theo: British Council, State of Social Enterprise in Singapore, Management Report, 2021): *Mô hình hòa nhập*: Những DNXH này cung cấp các khóa đào tạo kỹ năng và cơ

hội nghề nghiệp cho các nhóm bị lệ hóa, giúp họ hòa nhập cộng đồng và nâng cao khả năng tự lực của bản thân. Đối tượng bị lệ hóa gồm: người có tiền án tiền sự, người già, phụ nữ đơn thân, người tâm thần hoặc bị bạo hành và đối tượng thanh niên dễ sa ngã. *Mô hình tái đầu tư lợi nhuận*: Mục tiêu của các DNXH này là tạo ra lợi nhuận để quay trở lại tài trợ cho các chương trình xã hội là nhánh hoạt động xã hội của mình, hoặc đầu tư cho các hoạt động từ thiện của tổ chức mình. Mô hình này giúp các tổ chức phúc lợi tình nguyện (VOWs) và các tổ chức từ thiện có thể phát triển bền vững về tài chính và giảm sự lệ thuộc vào tiền quyên góp. *Mô hình các dịch vụ được trợ cấp*: cung cấp các dịch vụ được bao cấp tới các đối tượng thiệt thòi trong diện trợ cấp và tính phí thương mại tỷ lệ với các khách hàng chính. Mô hình này đảm bảo khả năng chi trả tới tất cả các đối tượng trong diện được nhận dịch vụ. *Mô hình nhu cầu xã hội*: được thiết kế để phục vụ nhu cầu của xã hội hoặc giải quyết một vấn đề xã hội nào đó.

Về nguồn vốn tài chính, có 5 lựa chọn cho các DNXH, gồm: (i) Tự khởi động: một doanh nhân tự vận động vốn cho hoạt động kinh doanh của mình mà không phụ thuộc vào các nguồn hỗ trợ bên ngoài; (ii) Chương trình tài chính của Chính phủ; (iii) Các quỹ từ thiện cá nhân: thực thể hợp pháp được thiết lập bởi một cá nhân, gia đình hoặc một nhóm người với mục đích từ thiện; (iv) Tài chính công nợ: một công ty nhận được một khoản vay và có cam kết trả nợ sau này; (v) Thị trường chứng khoán xã hội.

Ưu điểm của pháp luật Singapore khi đề cập tới khái niệm và tiêu chí xác định DNXH là đã xác định được các mô hình DNXH rất cụ thể và các nguồn tài chính rất dồi dào cho DNXH. Điều này đã tạo cơ hội cho các DNXH của Singapore phát triển,

qua đó đưa Singapore trở thành nơi lan tỏa và tiên phong của phong trào DNXH trong khu vực.

2.3. Thái Lan

Theo Chính phủ Thái Lan: “*DNXH là doanh nghiệp tư nhân hoặc do người dân làm chủ, có thu nhập từ việc bán, sản xuất hàng hóa hoặc dịch vụ, được thành lập với mục tiêu rõ ràng ngay từ đầu hoặc có thể bổ sung, thay đổi mục tiêu nhằm mục đích chủ yếu là giải quyết các vấn đề xã hội và/hoặc phát triển cộng đồng, xã hội và/hoặc môi trường, không hoạt động vì mục đích tối đa hóa lợi nhuận cho người giữ cổ phần hoặc chủ doanh nghiệp*” (Luật Khuyến khích DNXH Thái Lan, 2019).

Các văn bản pháp lý về DNXH, kể cả Luật đang được dự thảo, đều thống nhất 6 đặc điểm nhận diện mà các DNXH Thái Lan phải có như sau: (1) Quá trình sản xuất, từ khi bắt đầu cho đến khi ra các sản phẩm, dịch vụ không gây hại, ảnh hưởng xấu đến xã hội, sức khỏe và môi trường về lâu dài; (2) Có sự quản lý, tổ chức tốt; (3) Có năng lực về tài chính doanh nghiệp ổn định, bền vững; (4) Lợi nhuận phần lớn được tái đầu tư trở lại để mở rộng doanh nghiệp nhằm hoàn thành mục tiêu đề ra, hoặc đem lợi ích thu được đó đầu tư trở lại cho xã hội hoặc người sử dụng dịch vụ; (5) Có sự đa dạng về hình thức tổ chức, kinh doanh; (6) Có sự áp dụng Triết lý kinh tế vừa và đủ của cổ Quốc vương Thái Lan.

Theo nhận định của Văn phòng DNXH Thái Lan (TSEO), hiện chỉ có khoảng 500 tổ chức và doanh nghiệp đã được nhận diện và hoạt động theo đầy đủ các tiêu chuẩn của một DNXH, với các mục đích và động cơ khác nhau như sau:

- Các nhóm và tổ chức cộng đồng: thành lập với mục đích thúc đẩy tính tự chủ của cộng đồng, đáp ứng nhu cầu của người

dân mà Nhà nước không cung cấp được;

- Các DNXH do các tổ chức phi chính phủ thành lập: để tăng cường sự tự chủ tài chính và hiệu quả hoạt động của tổ chức vì mục tiêu xã hội;

- Các DNXH mới do doanh nhân xã hội thành lập: thực hiện các sáng kiến xã hội và tạo cơ sở bền vững tài chính cho thế hệ sau;

- Các DNXH do nhà nước và doanh nghiệp thành lập: khuyến khích trách nhiệm giải trình và minh bạch vì mục tiêu xã hội.

Xét về lĩnh vực tác động, nhìn chung DNXH Thái Lan hoạt động trên những lĩnh vực như sau (Luật Khuyến khích DNXH Thái Lan, 2019):

- Lĩnh vực môi trường: Năng lượng thay thế ở mức độ cộng đồng; Bảo vệ môi trường, sự đa dạng sinh học và rừng địa phương; Những thiết kế vì môi trường (Green Design); Tái chế và sản xuất hàng hóa từ phế liệu.

- Lĩnh vực xã hội và chất lượng cuộc sống: Giáo dục lựa chọn (Alternative education); Bảo tàng và bảo tồn văn hóa; Đồ dùng nhằm khuyến khích trẻ em sáng tạo hoặc việc giáo dục nhận thức xã hội; Hàng hóa và dịch vụ cho người khuyết tật; Bảo vệ sức khỏe và hệ thống dịch vụ sức khỏe cộng đồng (như bệnh viện cộng đồng); Nhà dành cho người có thu nhập thấp (Low-income housing); Phát triển kỹ năng và tạo dựng nghề nghiệp cho lao động thất nghiệp, người có hoàn cảnh khó khăn và người lang thang cơ nhỡ; Phục hồi tâm lý và phát triển kỹ năng cho phạm nhân, người lầm lỡ nhằm ngăn ngừa việc tái phạm tội; Hàng hóa, dịch vụ dành riêng cho việc hỗ trợ phát triển có hiệu quả các tổ chức xã hội.

- Lĩnh vực kinh tế địa phương vì xã hội và sự bền vững: Công bằng thương

mại cho người sản xuất (fair-trade); Nông nghiệp bền vững, nông nghiệp vi sinh; Du lịch do cộng đồng đứng ra tổ chức; Các tổ chức tín dụng địa phương; Doanh nghiệp cộng đồng.

Qua những tìm hiểu trên, có thể thấy khái niệm và các tiêu chí xác định DNXH của Thái Lan khá tương đồng với Hàn Quốc, thể hiện rõ ở cả 3 nhóm tiêu chí về khía cạnh kinh tế, xã hội và quản trị. Ngoài ra, pháp luật Thái Lan còn nêu rất chi tiết về các lĩnh vực mà DNXH có thể hoạt động, đây cũng là một tiêu chí đáng được quan tâm. Chính điều này đã đưa Thái Lan trở thành một trong những nước đi đầu trong lĩnh vực phát triển DNXH ở khu vực Đông Nam Á.

3. Quy định về khái niệm, tiêu chí xác định doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam

Luật Doanh nghiệp¹ được ban hành năm 2020 của Việt Nam chưa đưa ra định nghĩa về DNXH, nhưng các tiêu chí để xác định DNXH thì đã có tại Điều 10. Quy định như sau:

“Điều 10. Tiêu chí, quyền và nghĩa vụ của DNXH

1. DNXH phải đáp ứng các tiêu chí sau đây:

- a) Là doanh nghiệp được đăng ký thành lập theo quy định của Luật này;
- b) Mục tiêu hoạt động nhằm giải quyết vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng;
- c) Sử dụng ít nhất 51% tổng lợi nhuận sau thuế hằng năm của doanh nghiệp để tái đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu đã đăng ký”.

Từ quy định này, có thể hiểu, DNXH là doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp, với mục đích hoạt động

nhằm giải quyết vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng, trong đó sử dụng ít nhất 51% tổng lợi nhuận sau thuế hằng năm để tái đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường.

(i) *DNXH là doanh nghiệp được đăng ký thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020.*

Theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, DNXH có tiêu chí đầu tiên là doanh nghiệp được đăng ký thành lập theo quy định của Luật này. Như vậy, Luật Doanh nghiệp năm 2020 không coi DNXH là một loại hình doanh nghiệp đặc thù riêng mà cũng giống như doanh nghiệp thông thường. DNXH vẫn tổ chức và hoạt động theo một trong các loại hình doanh nghiệp: công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân. Vì cũng là một doanh nghiệp nên để thành lập DNXH, doanh nhân xã hội² phải thực hiện các thủ tục pháp lý thông thường để thành lập một doanh nghiệp trong số các loại hình doanh nghiệp đã được Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định. Tiêu chí này thể hiện một trong những đặc điểm cơ bản của DNXH, tương tự doanh nghiệp thông thường, đó là có hoạt động kinh doanh. Hiện nay, thủ tục thành lập DNXH được quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020. Giống như mọi doanh nghiệp khác, DNXH cũng có tên riêng của mình. Dựa trên các nguyên tắc về tên doanh nghiệp được pháp luật quy định, DNXH sẽ chủ động quyết định đặt tên cho mình, có thể bổ sung cụm từ “xã hội” vào tên riêng của DNXH. Quy định có thể bổ sung cụm từ “xã hội” vào tên riêng của DNXH là một quy phạm tùy nghi, do người thành lập DNXH tự quyết định.

¹ Luật Doanh nghiệp (2020), <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=200447>.

² thuật ngữ “doanh nhân xã hội” được các nhà nghiên cứu sử dụng để nói đến những người bỏ vốn để thành lập DNXH.

(ii) *Mục tiêu hoạt động của DNXH:*

Theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, DNXH có mục tiêu hoạt động nhằm giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng. Chính các mục tiêu xã hội này trở thành động lực thôi thúc các doanh nhân xã hội thành lập DNXH và sử dụng phương án kinh doanh để giải quyết các vấn đề xã hội. Tiêu chí này góp phần giúp chúng ta có cơ sở để phân biệt DNXH với các doanh nghiệp thông thường khác. Cụ thể, ở doanh nghiệp thông thường, chính lợi nhuận trở thành động lực để nhà đầu tư quyết định tìm giải pháp kinh doanh, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng và tối đa hóa lợi nhuận cho mình, có được lợi nhuận tức là nhà đầu tư đã thành công. Trong khi đó, đối với DNXH thì yếu tố “sinh lợi” không mang tính quyết định sự ra đời của doanh nghiệp, mà chính các vấn đề đang tồn tại trong xã hội trở thành động lực để DNXH tìm kiếm và quyết định mô hình kinh doanh phù hợp. Như vậy, doanh nghiệp thông thường và DNXH là các doanh nghiệp hoạt động theo cơ chế thị trường, nghĩa là phải có doanh thu và lợi nhuận, tuy nhiên chúng khác nhau về bản chất và đích đến.

(iii) *Sử dụng lợi nhuận của DNXH:*

DNXH sử dụng phần lớn lợi nhuận sau thuế (51%) để tái đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường. Lợi nhuận mà doanh nghiệp có được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được sử dụng để tái đầu tư vào doanh nghiệp với mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội mà DNXH đang theo đuổi. Tiêu chí sử dụng lợi nhuận để tái đầu tư phục vụ các mục tiêu xã hội là điểm phân biệt DNXH với các doanh nghiệp thông thường, thể hiện rõ nét tiêu chí “vì xã hội”.

Theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, DNXH phải sử dụng ít nhất 51% tổng

lợi nhuận sau thuế hằng năm để tái đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường như đã đăng ký. Con số 51% là nhằm mục đích tạo điều kiện, cơ hội cho DNXH huy động vốn kinh doanh từ các nhà đầu tư, thành viên, cổ đông khác bằng việc bảo đảm có phần cổ tức nhất định cho các nhà đầu tư này, qua đó góp phần phát triển bền vững cho DNXH. Tiêu chí này góp phần định lượng rõ ràng, cụ thể mục tiêu vì xã hội của DNXH.

So sánh khái niệm và tiêu chí xác định DNXH ở Việt Nam với các nước Hàn Quốc, Singapore, Thái Lan cho thấy, hai nhóm tiêu chí về khía cạnh kinh tế và xã hội của DNXH đã được thể hiện khá rõ nét trong Luật Doanh nghiệp năm 2020, nhưng nhóm tiêu chí về khía cạnh quản trị như có mức độ tự chủ cao, có quyền quyết định không dựa trên sở hữu vốn, có sự tham gia của nhiều bên chưa được đề cập. Điều này ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của DNXH tại Việt Nam.

4. Một số khuyến nghị để hoàn thiện các quy định pháp luật về doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam

(i) *Cần ban hành một Nghị định về DNXH.* Trước hết, một khung khổ pháp lý cần được xây dựng dành riêng cho DNXH và hoạt động của các DNXH. Ở giai đoạn ban đầu này, chúng tôi cho rằng việc ban hành một văn bản pháp quy ở cấp Nghị định của Chính phủ là phù hợp. Đây vừa là những viên gạch đầu tiên trong quá trình thể chế hóa DNXH, vừa là bước thăm dò, chuẩn bị cho khả năng luật hóa lĩnh vực này ở giai đoạn sau, khi khối DNXH đã có sự phát triển lớn mạnh và cung cấp cơ sở thực tiễn dồi dào hơn.

(ii) *Công nhận chính thức bằng việc xác định khái niệm và các tiêu chí của DNXH.* Nghị định về DNXH phải đưa ra được một định nghĩa về DNXH tại Việt

Nam. Chúng tôi đề xuất định nghĩa pháp lý về DNXH như sau: *“DNXH là những tổ chức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các luật khác có liên quan, nhằm giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng một cách có trách nhiệm và bền vững; phần lớn lợi nhuận được tái đầu tư nhằm thực hiện các mục tiêu đã đăng ký, hướng đến mô hình lý tưởng với quản trị dân chủ vì lợi ích của các bên liên quan”*. Các tiêu chí xác định DNXH thể hiện đặc điểm bắt buộc và linh hoạt của DNXH cũng cần được xác định rõ.

(iii) *Các chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ DNXH*. Nghị định cũng cần đưa ra những chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ cụ thể cho các DNXH, cũng như cách thức và trách nhiệm thực hiện các chính sách này. Ở đây, cũng cần tham khảo sâu sắc một số quan điểm cho rằng các DNXH cần được đặt trong những khung khổ pháp lý chung, hoạt động trên những “sân chơi” chung, cạnh tranh bình đẳng với các tổ chức, doanh nghiệp khác. Nhà nước chỉ nên có chính sách ưu đãi cho một số lĩnh vực nhất định cần khuyến khích phát triển hoặc lôi kéo sự tham gia của các tổ chức này. Các DNXH sẽ hưởng các chính sách ưu đãi khi hoạt động trong lĩnh vực đó, đồng thời đây cũng là chính sách chung, không chỉ dành riêng cho các DNXH. Ý kiến này rất đáng tham khảo, bởi các DNXH cần được nhìn nhận gắn với tác động xã hội của mình.

(iv) *Cần thành lập một bộ phận/cơ quan thực hiện quản lý nhà nước, thúc đẩy, hỗ trợ DNXH*. Về tổ chức quản lý hành chính, Nghị định có thể quy định về việc thành lập một bộ phận/cơ quan ở cấp phòng trong cơ cấu tổ chức của một bộ chịu trách nhiệm về quản lý nhà nước, khuyến khích, hỗ trợ các DNXH. Dựa trên tính chất đầu mối, đa ngành của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, chúng

tôi kiến nghị thành lập một Phòng chuyên trách về DNXH đặt trong cơ cấu của Cục Phát triển Doanh nghiệp, trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Và để nâng cao hiệu quả hoạt động của mình, cơ quan chuyên trách về DNXH nên thực hiện các chương trình hỗ trợ DNXH thông qua một bên thứ ba là các tổ chức trung gian phát triển DNXH dưới hình thức đấu thầu cạnh tranh, thuê ngoài, hoặc đặt hàng, trong khi cơ quan chuyên trách về DNXH giữ vai trò giám sát, theo dõi và đánh giá.

5. Kết luận

DNXH là một mô hình hỗn hợp, sử dụng hoạt động kinh doanh để đạt được các mục tiêu xã hội mà không vì mục đích lợi nhuận. Trên thực tế, các DNXH là những tác nhân thúc đẩy đổi mới, sáng kiến cho xã hội. Họ đi vào những thị trường ngách chưa ai đi, thậm chí sáng tạo nên sản phẩm mới, tạo lập một thị trường mới, hoặc đáp ứng nhu cầu của những nhóm đối tượng thường bị bỏ quên trong xã hội, hay giải quyết những vấn đề xã hội - môi trường nảy sinh trong quá trình tăng trưởng kinh tế của đất nước.

Ở Việt Nam, đã đến lúc Nhà nước cần có một sự công nhận chính thức dành cho mô hình DNXH và vai trò của các doanh nhân xã hội. Các cơ chế, chính sách cần được xây dựng để tạo lập khung khổ pháp lý ổn định cho hoạt động của các DNXH, tạo điều kiện thuận lợi cho các sáng kiến xã hội được dễ dàng triển khai hơn trong thực tế, khuyến khích và thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ tinh thần doanh nhân xã hội □

Tài liệu tham khảo

1. Bidet, Eric & Eum, Hyung-Silk (2011), “Social enterprise in South Korea: history and diversity”, *Social Enterprises Journal*, Vol. 7, Iss. 1, pp. 69-85, <https://core.ac.uk/download/pdf/51179683.pdf>

2. British Council, CIEM, CSIP (2012), *Doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam: Khái niệm, bối cảnh và chính sách*, <https://www.britishcouncil.vn/sites/default/files/dnxxh-tai-viet-nam-khai-niem-boi-canhh-chinh-sach.pdf>
3. British Council, State of Social Enterprise in Singapore, *Management Report, 2021*, [the_state_of_social_enterprise_in_singapore_0.pdf](https://www.britishcouncil.org/sites/default/files/state_of_social_enterprise_in_singapore_0.pdf) (britishcouncil.org)
4. Defourny, Jacques and Nyssens, Marthe (2010), “Conceptions of social enterprise and social entrepreneurship in Europe and the United States: convergences and divergences”, *Journal of Social Entrepreneurship*, No. 1, pp 32-53.
5. Department of Trade and Industry (2002), *The Report Social Enterprise: A strategy for success*, https://web.archive.org/web/20070101085544/http://www.cabinetoffice.gov.uk/third_sector/documents/social_enterprise/se_strategy_2002.pdf
6. Luật Khuyến khích doanh nghiệp xã hội của Thái Lan (2019), 21_พรบ_ส่งเสริมวิสาหกิจเพื่อสังคม_2562.pdf (osep.or.th).
7. *Social Enterprise Promotion act Korea*, 2007, https://www.icnl.org/wp-content/uploads/South-Korea_socent.pdf

(tiếp theo trang 34)

15. UNDP (2016), *Overview of linkages between gender and climate change*, <https://www1.undp.org/content/dam/undp/library/gender/Gender%20and%20Environment/UNDP%20Linkages%20Gender%20and%20CC%20Policy%20Brief%201-WEB.pdf>
16. UNDP Viet Nam (2016), *Viet Nam drought and saltwater intrusion: Transitioning from emergency to recovery - Analysis report and policy implication*, https://www.undp.org/sites/g/files/zskgke326/files/migration/vn/Recovery-draft-Sep-2016_final.pdf
17. UNDP Viet Nam (2020), *Viet Nam drought and saltwater intrusion in the Mekong Delta - Joint Assessment report*, https://vietnam.un.org/sites/default/files/202003/Salt%20Water%20Intrusion_2020_v3.4.pdf